Ngày soạn: 15/ 09/ 2023

**CHƯƠNG II. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**Tiết 5: BÀI 4: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Mô tả được quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất. Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.

- Xác định được dấu tích Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.

***2. Năng lực***

**Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**Năng lực riêng:**

- Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ,...liên quan đến bài học.

- Nhận thức lịch sử qua việc phân tích vai trò của lao động đối với xã hội nguyên thủy.

***3. Phẩm chất***

**-** Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.

- Giáo dục phẩm chất tôn trọng lao động và tinh thần sáng tạo, có trách nhiệm.

- Giáo dục phẩm chất yêu đất nước biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước.

- Giáo dục phẩm chất trách nhiệm biết giữ gìn và bảo tồn các di sản văn hóa

Chăm chỉ tìm hiểu và thu thập các thông tin, hình ảnh trong bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Đối với giáo viên***

- Thiết kế bài giảng ̣(video, tranh ảnh về sự hình thành và phát triển của Loài người)

- Máy tính, thiết bị trình chiếu Tivi, tranh ảnh

- Lược đồ dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn thành người ở ĐNA

- Một số hình ảnh công cụ đồ đá, răng hoá thạch

- Phiếu học tập

- Bản đồ Đông Nam Á.

***2. Đối với học sinh***

Đọc và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa, đọc và tìm hiểu các tài liệu liên quan.

+ Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất: thời gian, địa điểm, động lực.

+ Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Dự kiến kế hoạch dạy học:**

\* Tiết 1: phần khởi động và mục I Quá trình tiến hoá từ vượn thành người

\* Tiết 2 mục II Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á, mục luyện tập và vận dụng

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là hiểu được nguồn gốc của Loài người và phát triển tạo tâm thế đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung hoạt động:** GV cho HS xem video về nguồn gốc loài người và xác định được quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra như thế nào (*chọn 1 trong 3 video sau*)

<https://youtu.be/oT2vFokuc4A>

<https://youtu.be/YDKGXp8WZXs?t=144> Người nguyên thủy tâp 1

<https://youtu.be/P2D0aeEn2-M?t=71> Tóm tắt quá trình tiến hoá của loài người

**c. Sản phẩm:** Học sinh trình bày được nguồn gốc loài người là từ vượn người trải qua quá trình lao động kiếm sống đã chuyển hóa thành người

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ

Cho HS xem video và yêu HS trả lời câu hỏi: Con người có nguồn gốc từ đâu? Quá trình tiến hóa diễn ra như thế nào?

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: HS xem và suy nghĩ trả lời câu hỏi

**Bước 3**: HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu

**Bước 4:** GV Nhận xét, đánh giá, kết luận/chốt: Con người có nguồn gốc từ một loài Vượn nhưng quá trình tiến hóa diễn ra như thế nào? Và những nơi nào là cái nôi của loài người chúng chuyển vào tìm hiểu bài 3

**HOẠT ĐỒNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. QUÁ TRÌNH TIẾN HOÁ TỪ VƯỢN NGƯỜI THÀNH NGƯỜI**

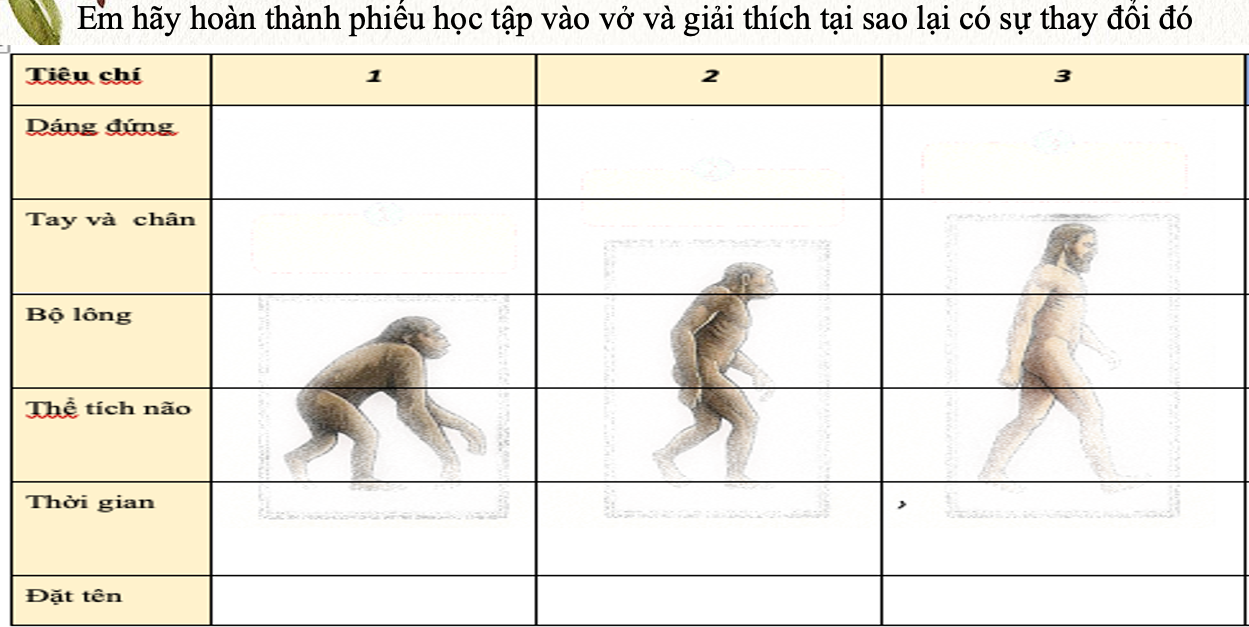
**a. Mục tiêu:**Nêu được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn; nêu được đặc điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn và xác định được những minh chứng chứng minh nguồn gốc của loài người

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh, tìm hiểu thông tin trong SGK, thu thập thông tin, thảo luận nhóm để biết được nguồn gốc của loài người

**c. Sản phẩm:** Học sinh trình bày được Loài người có nguồn gốc từ một loài vượn cổ trải qua 3 giai đoạn, hoàn thành được phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**

|  |  |
| --- | --- |
| *Hoạt động thầy - trò* | *Sản phẩm cần đạt* |
| **Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:  GV lần lượt tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ:     1. Quan sát vào hình 2 (tr17) thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua mấy giai đoạn? đó là những giai đoạn nào? Cho biết niên đại tương ứng của các giai đoạn đó? 2. Quan sát hình sau   t Em rút ra đặc điểm nào cho sự tiến hóa của người tối cổ so với vượn người (*Đã đi thẳng bằng 2 chân, từ bỏ đời sống leo trèo, đã biết làm công cụ, não lớn hơn*)   1. Việc phát hiện các bộ xương hóa thạch (H3.2;H3.3) có ý nghĩa như thế nào trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người? 2. Hoàn thành phiếu học tập (theo mẫu)   **Bước 2. HS** Nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động  **Bước 3.** HS báo cáo  GV điều khiển các nhóm cử đại diện trình bày các nhiệm vụ được giao, các nhóm bạn nhận xét bổ sung theo kỉ thuật 3-2-1 (nêu 3 ưu điểm 2 tồn tại và 1 góp ý)  GV cần cung cấp cho các em thêm tên và thời gian tồn tại của người Neanderthal (400 000 TCN – 40 TCN) và người lùn Floresiensis (200 000 TCN – 50 0000 TCN) trong bức hình. Căn cứ trên thời gian tồn tại được khoa học chứng minh dựa trên hoá thạch, cho HS tự rút ra kết luận: Khi Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong quá trình tiến hoá, Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển  **Bước 4:** **GV** Nhận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép | ***- Quá trình chuyển biến từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn chính:*** vượn cổ=> người tối cổ=> người tinh khôn  - Người tối cổ ở nhiều nơi trên thế giới và thời gian tồn tại khác nhau.  - Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong quá trình tiến hoá, Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển.  *-* Các nhà khoa học tìm thấy các bộ xương người hóa thạch và xác định được niên đại chứng tỏ con người đã xuất hiện trên trái đất cách đây hàng triệu năm, đập tan những quan điểm duy tâm về nguồn gốc loài người (do một đấng thần linh nào đó sáng tạo ra) |

**II. NHỮNG DẤU TÍCH CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ VƯỢN THÀNH NGƯỜI Ở ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM**

**a. Mục tiêu:**- HS xác định được dấu tích của người tối cổ trên bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam; Hiểu được quá trình chuyển biến từ vượn ở ĐNA diễn ra liên tục

**b. Nội dung: GV tổ chức** học sinh hoạt động nhóm tìm hiểu thông tin trong SGK và quan sát vào lược đồ dấu tích người tối cổ ở Đông Nam Á đề xác định vị trí trên bản đồ và nhận xét

**c. Sản phẩm:** Hs chỉ được vị trí các di tích hóa thạch và vị trí di chỉ đồ đá trên bản đồ

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Hoạt động thầy - trò* | *Sản phẩm cần đạt* |
|  | |
| **Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:  - GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm thảo luận trong vòng 3 phút  ***Nhóm 1,2***:. Quan sát lược đồ H3 xác định những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy để chứng minh: “ ĐNA là một trong những chiếc nôi của loài người”  ***Nhóm 3,4:*** Dựa vào thông tin và hình 3, 4, 5 trong SGK, việc phát hiện ra công cụ đả và răng hoá thạch của Người tối cổ ở Việt Nam chứng tỏ điều gì?  **Bước 2. HS** Nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động  GV quan sát và hộ trợ các nhóm nếu cần  **Bước 3.** HS báo cáo  - GV gọi đại diện. nhóm 1,2 lên chỉ trên lược đồ các địa điểm tìm thấy di cốt Vượn người, Người tối cổ và Người tinh khôn. Để chứng minh ĐNA là một trong những chiếc nôi của loài người. Các bạn còn lại quan sát và nhân xét góp ý bổ sung  - Gọi đại diện nhóm 3 trình bày ý 2 và nhóm 4 nhận xét bổ sung góp ý  - GV yêu cầu HS Gạch chân các địa điểm và mốc thời gian để rút ra quá trình chuyển biến đó diễn ra liên tục kéo dài đến khoảng 4 vạn năm cách ngày nay thì thành người hiện đại  **Bước 4:** **GV** Nhận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép | * Ở Đông Nam Á: Mian ma; Thái Lan, Việt Nam. Inđonexia * Philippin, Malayxia * Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người * Ở Việt Nam: Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc, Thẩm Khuyên, Thẩm Ha -> Là một trong những chiêc nôi của loài người * quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra liên tục. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu:**- Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về nguồn gốc loài người

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**

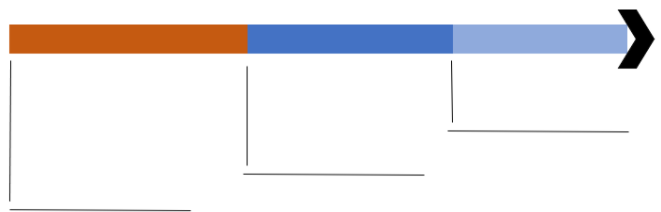
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:

Bài tập 1: Bằng chứng nào chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện rất sớm

Bài tập 2: Lập Bảng thống kê các di tích của người Tối cổ ở Đông Nam Á theo nội dung (tên quốc gia, địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ)

Bài tập 3: Dựa vào nội dung của bài học em hãy vẽ sơ đồ theo mẫu vào vở và hoàn thành sơ đồ tiến hóa từ vượn thành người.



**Bước 2. HS** nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động GV quan sát và hỗ trợ các nhóm nếu cần

**Bước 3.** HS báo cáo GV điều khiển các nhóm cử đại diện trình bày, nhận xét

**Bước 4:** **GV n**hận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép

**Gợi ý sản phẩm**

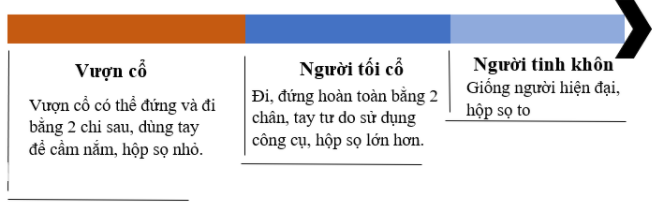
1. Bằng chứng: Dựa vào bằng chứng khoa học được tìm thấy ở Đông Nam Á: hoá thạch ở Java, công cụ lao động của Người tối cổ, răng Người tối cổ tìm thấy khắp mội nơi trên khu vực ĐNA

2. Quan sát lược đồ hình 3 em hãy lập bảng thống kê các di tích của người Tối cổ ở Đông Nam Á

3.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên quốc gia ngày nay** | **Tên địa điểm tìm thấy dấu tích** |
| Myanmar | Pondaung |
| Thái Lan | Tham Lod |
| Việt Nam | Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc,Thẩm Khuyên, Thẩm Hai |
| Indonesia | Trinin, Liang Bua |
| Philippines | Ta Bon |
| Malaysia | Nia |

3. Sơ đồ theo mẫu vào vở và hoàn thành sơ đồ tiến hóa từ vượn thành người.

****

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

*a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

*b) Nội dung hoạt động*: GV tổ chức cho HS nghiên cứu hoàn thành bài tập ở nhà

*c) Sản phẩm học tập:* bức thư giới thiệu về nguồn gốc loài người

*d) Cách thức tiến hành hoạt động*

*-* **GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi sgk**

*Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng còn người châu  
Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?*

**- HS tư duy:**

Châu Phi là nơi xuất hiện sớm nhất - di cư qua các châu lục - môi trường sống khác nhau- cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường

GV giúp HS rút ra kết luận: Môi trường ảnh hưởng quan trọng, là yếu tố quyết định quá trình tiến hoá. Ngày nay con người vẫn tiếp tục tiến hoá để thích nghi với môi trường.

***BÀI TẬP VỀ NHÀ***

- Viết một lá thư kể cho người thân về hiểu biết của mình về nguồn gốc con người

**Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp.  - Phiếu học tập. |  |

Tiết 7;8: Ngày soạn: 23/ 9/2023

**BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ.
* Trình bày được những nét chính vê' đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thuỷ.
* Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như xã hội loài người.
* Nêu được đôi nét vê' đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Tiếp tục bồi dưỡng các phẩm chất chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đổng ở Việt Nam.

- Một số tranh ảnh vẽ công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thuỷ.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  GV chiếu cho HS xem đoạn video về hội thi Thổi cơm.  **c. Sản phẩm**  Câu trả lời của nhóm Hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Xem đoạn video và trả lời câu hỏi sau  ? Nội dung được nói đến trong video? Ý nghĩa của nội dung ấy?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  GV: Định hướng giúp học sinh vừa xem đoạn phim vửa lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi  Hs: Tập trung xem phim, trả lời câu hỏi GV đã giao.  **B3: *Báo cáo thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***B4: Kết luận, nhận định.***  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.  **b. Nội dung:**  HS đọc và khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  Em biết gì về thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn: Từ bầy người nguyên thuỷ chuyển sang công xã thị tộc.  NV2. Đặc điểm khác nhau ở mỗi giai đoạn bầy người nguyên thuỷ và công xã thị tộc là gì? Nguyên nhân nào khiến công xã thị tộc khác biệt hơn hẳn so với giai đoạn bầy người nguyên thuỷ?  - Bầy người nguyên thuỷ:  + Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...  + Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.  + Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa.  - Công xã thị tộc:  + Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).  + Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đố gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.  + Biết chế tạo, sử dụng đổ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...).  => Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay con người cũng dần trở lên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động giúp con người người từng bước tự cải biển mình và làm cho cuộc sống phong phú hơn.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát hình 2 và Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới cùng ngữ liệu SGK, hãy cho biết điểm khác nhau ở mỗi giai đoạn bầy người nguyên thuỷ và công xã thị tộc là gì? Nguyên nhân nào khiến công xã thị tộc khác biệt hơn hẳn so với giai đoạn bầy người nguyên thuỷ?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo | - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Người nguyên thuỷ đã tổ chức xã hội của mình từ bầy người nguyên thuỷ chuyển sang công xã thị tộc.  - Bầy người nguyên thuỷ:  + Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...  + Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.  + Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa. Sống trong hang động.  - Công xã thị tộc:  + Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).  + Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đố gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.  + Biết chế tạo, sử dụng đổ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...).  Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.  + Tổ chức xã hội: Công xã thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau tạo thành bộ lạc.  => Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay con người cũng dần trở nên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động giúp con người người từng bước tự cải biển mình và làm cho cuộc sống phong phú hơn |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **b. Nội dung:**  HS quan sát hình 3,4,5,6 SGK đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh quan sát hình 3,4,5,6 SGK, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  Hinh 4. Luoc do di chi thoi do da va do dong o Viet Nam  **Hình 4.** Lược đồ di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1: Em nhận thấy kĩ thuật chế tác công cụ Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn so với Núi Đọ?  Kĩ thuật chế tác công cụ ở Bắc Sơn tiến bộ hơn so với Núi Đọ bởi họ đã biết cải tiến công cụ. Từ chỗ chỉ biết ghè đẽo, họ đã biết mài đá, tạo ra nhiều loại công cụ khác nhau nhọn, sắc hơn, dễ cầm nắm, thuận tiện cho lao động và mang lại năng suất cao hơn.  NV2: Khai thác kênh hình và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.  - Về đời sống vật chất:  + Sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây.  + Nguồn thức ăn bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi.  - Về đời sống tinh thần:  + Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,... Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.  + Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo công cụ và đồ trang sức.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Dựa vào hình 3 SGK và hình trên máy chiếu công cụ chế tác ở Núi Đọ và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết:  ? Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Khai thác kênh hình, đặc biệt là *Lược đồ các di chỉ thời đổ đá và đồ đồng ở Việt Nam* các di chỉ thuộc thời đại đồ đá mới và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang phần Luyện tập. | - Về đời sống vật chất:  + Sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây.  + Nguồn thức ăn bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi.  - Về đời sống tinh thần:  + Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,... Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.  + Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo công cụ và đồ trang sức. |

**HĐ3. Luyện tập**

**a.Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**Bài tập 1:** Đáp án của bài tập.

Vai trò của lao động trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thủy:

- Lao động giúp tạo ra thức ăn, của cải cho con người

- Trong quá trình lao động, tìm kiếm thức ăn, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại.

- Nhờ có lao động, con người đã từng bước tự cải biến, hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Theo em, lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của nguời nguyên thuỷ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (Sự phân bố các di chỉ cho thấy con người đã sống rải rác khắp mọi miền trên đất nước Việt Nam hiện nay, từ miền đồi núi đến đồng bằng, ven biển và cả hải đảo).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Tìm trên lược đồ hình 4 (tr.22) kết hợp với tra cứu thông tin từ sách, báo và internet, hãy cho biết các di tích thời đồ đá được phân bố ở những tỉnh nào của nước ta ngày nay và sự phân bố đó nói lên điều gì.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập, viết bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách trả lời sau khi hoàn thành bài tập.

- HS làm bài tập ra giấy và thuyết trình trước lớp.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không hoàn thành bài hoặc không tham gia thảo luận (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.